

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2018/HNGĐ-ST

Ngày : 03 – 8 – 2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn H;

2. Ông Lý Khắc Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang -Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 408/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Bích T, sinh năm 1986. Địa chỉ nơi cư trú: Số 421, khóm S, phường A, thành phố K. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1989. Địa chỉ nơi cư trú: Số 466, tổ 12, ấp MH, xã X, huyện P, tỉnh An Giang; (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 6 năm 2017, nguyên đơn bà T trình bày như sau: Bà T và ông H kết hôn năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phú. Đến năm 2011 cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông H có người phụ nữ khác nên bà T về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên xin Tòa án giải quyết ly hôn với ông H. Thời gian chung sống có một con chung tên Võ TPH, sinh ngày 11/02/2011, hiện đang sống với bà T, yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con đến lúc trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, ông H trình bày ý kiến: Thống nhất về thời gian chung sống có đăng ký kết hôn. Ông H đồng ý ly hôn. Về con chung, xác định có một con chung. Con chung khi mới sinh đặt tên là Phượng nhưng chưa làm giấy khai sinh. Khi bà T mang con chung về nhà mẹ ruột sinh sống rồi tự làm giấy khai sinh cho con, nay Tòa án thông báo mới biết con chung còn có tên Võ

TPH. Ông H đồng ý giao con chung cho bà T nuôi, ông H không cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà T: Giữ yêu cầu khởi kiện ly hôn, yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con; về quan hệ tài sản chung, quan hệ nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh H: Có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Bà T và ông H chung sống có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Ông H có ý kiến đồng ý ly hôn, có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

+ Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống vợ chồng thống nhất có 01 con chung tên Võ TPH (theo giấy khai sinh số 263 ngày 02/8/2013) và còn có tên là Nguyễn TBP (theo giấy khai sinh số 91/2011, quyền số 01/2011, ngày đăng ký 28/02/2011). Hiện con đang do bà T nuôi, nguyện vọng của con muốn được sống với bà T. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con nên không xem xét.

+ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tại biên bản xác minh ông H có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ ấp MH, xã X, huyện P, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H chung sống có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 8,

Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông H có bản tự khai với nội dung đồng ý ly hôn, bà T xác định không thể tiếp tục chung sống với nhau, không tạo điều kiện cho nhau để tiếp tục chung sống, ly thân đã lâu. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

- Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống, vợ chồng thống nhất có 01 con chung tên Võ TPH (theo giấy khai sinh số 263 ngày 02/8/2013), ngoài ra còn có tên là Nguyễn TBP (theo giấy khai sinh số 91/2011, quyển số 01/2011, ngày đăng ký 28/02/2011). Bà T cho biết, con chung tên Võ TPH là do bà T đặt khi đăng ký khai sinh và được sử dụng khi con nhập học. Hội đồng xét xử, xét thấy con chung do bà T đang trực tiếp nuôi con, đảm bảo về điều kiện nuôi con, nguyện vọng của con là sống với bà T, ông H đồng ý giao con bà T tiếp tục nuôi. Đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao con chung có tên Võ TPH (theo giấy khai sinh số 263 ngày 02/8/2013) và còn có tên là Nguyễn TBP (theo giấy khai sinh số 91/2011, quyển số 01/2011, ngày đăng ký 28/02/2011) cho bà T được trực tiếp nuôi, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, bà T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/20150017259 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; Khoản 1 Điều 9; Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Bích T được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung có tên Võ TPH (theo giấy khai sinh số 263 ngày 02/8/2013) và còn có tên là Nguyễn TBP (theo giấy khai sinh số 91/2011, quyền số 01/2011, ngày đăng ký 28/02/2011) cho bà Võ Thị Bích T được trực tiếp nuôi. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0017259 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yên Anh